

Số: 36 /2020/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 11 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1063/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 30/2016/TT-BTTTT ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM";

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BTTTT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông";

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông";

Căn cứ Thông tư số 16/2020/TT-BTTTT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 65/TTr-STTTT ngày 10 tháng 11 năm 2020, Công văn số 2483/STTTT-BCVT ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 163/BC-STP ngày 05 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1063/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 như sau:

“2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 như sau:

“3. Tổ chức triển khai quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương của các doanh nghiệp viễn thông sau khi quy hoạch của các doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

a) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt.

b) Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm tổ chức triển khai quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương của doanh nghiệp theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 15 và Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 như sau:

“Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong quá trình tổ chức thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng theo quy định hiện hành có trách nhiệm tham vấn ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông đối với các công trình có thiết kế xây dựng các hạng mục kỹ thuật phục vụ lắp đặt hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, đường dây cáp viễn thông đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật của các ngành khác ngay từ khâu quy hoạch, phê duyệt công trình, dự án (công trình xây dựng công cộng, công trình giao thông, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu đô thị, tòa nhà nhiều chủ sử dụng bao gồm chung cư, tòa nhà văn phòng, khách sạn và các công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật khác.”.

b) Bổ sung Khoản 4 như sau:

A

“4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành thông tin và truyền thông, giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và các vấn đề khác có liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Thông tin và Truyền thông đối với các tổ chức, cá nhân thiết kế, thi công, sử dụng công trình viễn thông trên địa bàn thành phố.”.

3. Bổ sung Điều 6a sau Điều 6 như sau:

“Điều 6a. Công bố, cung cấp thông tin công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

1. Tổ chức, cá nhân trước khi tiến hành đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông gắn liền với việc đầu tư, lắp đặt thiết bị, đường cáp viễn thông có trách nhiệm thông báo, cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Viễn thông.

2. Các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp khi lắp đặt cáp ngoại vi viễn thông phải gửi kế hoạch cho Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định tại mục 4.4 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2019/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông để quản lý, theo dõi.

3. Chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (cột treo cáp viễn thông riêng biệt, cống bê tông; nhà, trạm BTS, cột ăngten) có trách nhiệm:

a) Cung cấp các thông tin về dung lượng, các điều kiện kỹ thuật trong quá trình vận hành, khai thác và đăng ký giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có khả năng cho thuê, dùng chung theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện công bố công khai thông tin công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có khả năng cho thuê, dùng chung trên website/cổng thông tin điện tử chính thức của đơn vị, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Thông tin và Truyền thông). Khi có thay đổi về công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động cho thuê/dùng chung, chủ sở hữu công trình phải điều chỉnh nội dung đã công bố trên trang website/cổng thông tin điện tử chính thức của đơn vị, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Sở Thông tin và Truyền thông.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Giá cho thuê hạ tầng kỹ thuật ngầm hóa cáp ngoại vi viễn thông đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước áp dụng theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định giá cho thuê hạ tầng kỹ thuật ngầm hóa cáp ngoại vi viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng, có tính toán ảnh hưởng của yếu tố khấu hao tài sản theo thời gian sử dụng. Đối với các công trình hạ tầng viễn thông thụ động khác đầu tư từ nguồn ngân

sách nhà nước, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giá cho thuê để áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 như sau:

“2. Việc sử dụng chung cột treo cáp phải tuân thủ đúng các quy định đối với cột, cáp viễn thông đi treo tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2019/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định tại Chương 4 của Quy định này.”.

b) Bổ sung Khoản 6 như sau:

“6. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu các tuyến cột treo cáp phải trang bị dây treo cáp và khuyên đỡ bó cáp tại các khu vực, tuyến đường được phép treo cáp viễn thông khi lắp đặt cáp viễn thông hoặc cho các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp truyền hình cáp thuê sử dụng chung cột treo cáp để treo cáp viễn thông.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 như sau:

“2. Hệ thống ăng ten lắp đặt trên cột ăng ten phải bảo đảm tuân thủ các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 9:2016/BTTTT về tiếp đất cho các trạm viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BTTTT ngày 07 tháng 12 năm 2016; QCVN 32:2020/BTTTT về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 16/2020/TT-BTTTT ngày 17 tháng 7 năm 2020; QCVN 41:2016/BTTTT về thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM ban hành kèm theo Thông tư số 30/2016/TT-BTTTT ngày 08 tháng 12 năm 2016; TCVN 3718-1:2005 “Quản lý an toàn trong trường bức xạ tần số radio - phần 1: mức phơi nhiễm lớn nhất trong dải tần 3Khz đến 300Ghz ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BBCVT ngày 15 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định có liên quan.”.

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 như sau:

“4. Đối với các khu vực cho phép đầu tư xây dựng mới cột ăngten trạm BTS công kênh, nếu điều kiện địa hình, không gian cho phép, chủ đầu tư phải tính toán thiết kế kết cấu, chiều cao cột ăngten trạm BTS đảm bảo độ an toàn và đáp ứng nhu cầu dùng chung cho tối thiểu 02 (hai) doanh nghiệp viễn thông, nhà trạm BTS có diện tích đảm bảo tương xứng với số trạm BTS sử dụng chung; và đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật”.

c) Bổ sung Khoản 6 như sau:

“6. Các trạm BTS phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu là 100m đối với khu vực đô thị và tối thiểu 200m đối với khu vực ngoài đô thị, trừ các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.”.

d) Bổ sung Khoản 7 như sau:

“7. Đối với những trạm BTS không đáp ứng quy định về khoảng cách quy định tại khoản 6 Điều này:

a) Đối với những trạm BTS hiện có, khuyến khích các đơn vị chủ sở hữu thỏa thuận, thống nhất phương án dùng chung cơ sở hạ tầng.

b) Đối với những trạm BTS xây dựng mới, chủ đầu tư phải thỏa thuận với đơn vị chủ sở hữu trạm BTS đã có để dùng chung hạ tầng, trường hợp không đạt được thỏa thuận dùng chung với lý do chính đáng, chủ đầu tư có văn bản xin ý kiến Sở Thông tin và Truyền thông và chỉ được phép thi công lắp đặt trạm BTS sau khi nhận được ý kiến chấp thuận về vị trí xây dựng trạm của Sở Thông tin và Truyền thông.

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Doanh nghiệp viễn thông, nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường theo quy định, không được thực hiện hành vi sử dụng ưu thế về mạng viễn thông để cản trở việc xâm nhập thị trường, hạn chế, gây khó khăn cho hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác.”.

8. Bổ sung Điều 15a sau Điều 15 như sau:

“Điều 15a. Khắc phục sự cố đối với trạm BTS

1. Khi xảy ra sự cố đối với thiết bị lắp đặt tại trạm, trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố doanh nghiệp chưa khắc phục được sự cố thì doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng và việc khắc phục sự cố gửi Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi, quản lý.

2. Trường hợp gây, đổ trạm BTS, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm:

a) Báo cáo các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trạm BTS các thông tin về sự cố đối với trạm BTS.

b) Giải phóng mặt bằng và triển khai phương án dự phòng đảm bảo khôi phục liên lạc.

c) Khôi phục hoặc lắp đặt mới trạm BTS tại khu vực xảy ra sự cố (trong trường hợp cần thiết) đảm bảo thông tin liên lạc và an toàn mạng lưới.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Xử lý đối với trường hợp không thực hiện sắp xếp, chỉnh trang

và ngâm hóa cáp viễn thông

Đường dây, cáp viễn thông, tủ/hộp cáp, măng sông nối cáp, bộ chia tín hiệu, cột treo cáp, cột ăng ten bị hỏng không sử dụng, xây dựng sai quy chuẩn, tiêu chuẩn hoặc không được triển khai sắp xếp, chỉnh trang và ngâm hóa theo đúng lộ trình quy định nhưng không xác định được đơn vị sở hữu, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo quy định của pháp luật đối với tài sản vô chủ.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Dấu hiệu nhận biết đường dây, cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ

Dấu hiệu nhận biết đường dây, cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ lắp đặt vào các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; QCVN 33:2019/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Cụ thể như sau:

1. Tất cả cáp viễn thông và cáp thuê bao đang treo trên các tuyến đường của thành phố phải gắn thẻ nhận biết và thẻ báo hiệu độ cao như sau:

a) Thẻ nhận biết được làm bằng vật liệu bền vững với thời gian, chịu được điều kiện thời tiết, môi trường khắc nghiệt, dễ dàng bố trí, lắp đặt, thay thế, bảo trì, sửa chữa và bảo đảm an toàn trong sử dụng. Có màu nền là màu vàng. Kích thước (Dài x Rộng) tối thiểu là 60mm x 40mm, tối đa 130mm x 80mm. Thông tin thể hiện trên thẻ bao gồm: Tên viết tắt/ký hiệu tên của đơn vị sở hữu cáp; Số điện thoại trực tuyến của đơn vị sở hữu cáp; Màu chữ tên viết tắt/ký hiệu tên của đơn vị sở hữu cáp. Khoảng cách tối đa giữa hai thẻ không quá 300m. Vị trí treo thẻ tại cột góc, cáp qua đường, tại vị trí néo và vị trí nối cáp.

b) Thẻ báo hiệu độ cao được làm bằng vật liệu bền vững với thời gian, chịu được điều kiện thời tiết, môi trường khắc nghiệt, dễ dàng bố trí, lắp đặt, thay thế, bảo trì, sửa chữa và bảo đảm an toàn trong sử dụng. Màu nền là màu vàng; Kích thước (Dài x Rộng) tối thiểu 200mm x 150mm. Thông tin thể hiện trên thẻ bao gồm: Tên viết tắt/ký hiệu tên của đơn vị sở hữu cáp; Chỉ số độ cao (khoảng cách thẳng đứng tại điểm thấp nhất của cáp tới mặt đường bộ, đường thủy, đơn vị là mét, lấy sau dấu phẩy một đơn vị); Số điện thoại trực tuyến của đơn vị sở hữu cáp; Màu chữ tên viết tắt/ký hiệu tên của đơn vị sở hữu cáp. Treo thẻ báo hiệu độ cao tại các vị trí qua đường, giao chéo với đường bộ, đường thủy.

c) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp

thống nhất màu chữ tên viết tắt/ký hiệu tên của đơn vị sở hữu cáp. Trong trường hợp đơn vị có cáp viễn thông phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng cần giữ bí mật, đơn vị đó có thể mã hóa hoặc dùng các ký hiệu màu sắc khác để thể hiện các thông tin trên (gọi chung là ký hiệu khác). Ký hiệu khác này dưới dạng bảo mật và chỉ những người có trách nhiệm biết.

2. Tất cả cáp viễn thông, cáp thuê bao và đường ống để lắp đặt cáp viễn thông lắp đặt trong cống bê tông, hào, tuy nèn kỹ thuật phải gắn thẻ nhận biết như sau:

a) Thẻ nhận biết được làm bằng vật liệu bền vững với thời gian, chịu được điều kiện thời tiết, môi trường khắc nghiệt, dễ dàng bố trí, lắp đặt, thay thế, bảo trì, sửa chữa và bảo đảm an toàn trong sử dụng. Có màu nền là màu vàng. Kích thước (Dài x Rộng) tối thiểu là 60mm x 40mm, tối đa 130mm x 80mm. Thông tin thể hiện trên thẻ bao gồm: Tên viết tắt/ký hiệu tên của đơn vị sở hữu cáp; Số điện thoại trực tuyến của đơn vị sở hữu cáp; Màu chữ tên viết tắt/ký hiệu tên của đơn vị sở hữu cáp. Khoảng cách tối đa giữa hai thẻ không quá 500m. Thẻ nhận biết được gắn trên đường dây, cáp hoặc đường ống tại bê tông, hồ ga kỹ thuật.

b) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp thống nhất màu chữ tên viết tắt/ký hiệu tên của đơn vị sở hữu cáp. Trong trường hợp đơn vị có cáp viễn thông phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng cần giữ bí mật, đơn vị đó có thể mã hóa hoặc dùng các ký hiệu màu sắc khác để thể hiện các thông tin trên (gọi chung là ký hiệu khác). Ký hiệu khác này dưới dạng bảo mật và chỉ những người có trách nhiệm biết.

3. Tất cả cáp viễn thông, cáp thuê bao và đường ống để lắp đặt cáp viễn thông lắp đặt vào cầu, hầm giao thông phải gắn thẻ nhận biết như sau:

a) Thẻ nhận biết được làm bằng vật liệu bền vững với thời gian, chịu được điều kiện thời tiết, môi trường khắc nghiệt, dễ dàng bố trí, lắp đặt, thay thế, bảo trì, sửa chữa và bảo đảm an toàn trong sử dụng. Có màu nền là màu vàng. Kích thước (Dài x Rộng) tối thiểu là 60mm x 40mm, tối đa 130mm x 80mm. Thông tin thể hiện trên thẻ bao gồm: Tên viết tắt/ký hiệu tên của đơn vị sở hữu cáp; Số điện thoại trực tuyến của đơn vị sở hữu cáp; Màu chữ tên viết tắt/ký hiệu tên của đơn vị sở hữu cáp. Thẻ nhận biết được gắn trên đường dây, cáp hoặc đường ống tại vị trí thuận lợi cho việc nhận biết, lắp đặt, bảo trì.

b) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp thống nhất màu chữ tên viết tắt/ký hiệu tên của đơn vị sở hữu cáp. Trong trường hợp đơn vị có cáp viễn thông phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng cần giữ bí mật, đơn vị đó có thể mã hóa hoặc dùng các ký hiệu màu sắc khác để thể hiện các thông tin trên (gọi chung là ký hiệu khác). Ký hiệu khác này dưới dạng bảo mật và chỉ những người có trách nhiệm biết.






4. Tất cả cáp viễn thông, cáp thuê bao và đường ống để lắp đặt cáp viễn

thông chôn ngầm phải có dấu hiệu nhận biết bằng băng, lưới hoặc tấm cảnh báo hoặc trụ, cọc, mốc định vị tùy theo yêu cầu cần cảnh báo của từng loại công trình:

a) Cáp viễn thông kéo ngầm phải gắn thẻ nhận biết như quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Băng, lưới, tấm cảnh báo: Thông tin về tính chuyên ngành thể hiện bằng chữ “Viễn thông” hoặc VT; Vị trí lắp đặt được đặt ngầm bên trên các đường dây, cáp và đường ống chôn ngầm nằm dưới mặt hè, lòng đường.

c) Trụ, cọc, mốc định vị: Thông tin về tính chuyên ngành thể hiện bằng chữ “Viễn thông” hoặc VT; Thông tin về hướng, điểm giao các đường dây, cáp và đường ống chôn ngầm trên trụ, cọc, mốc định vị được thể hiện bằng ký hiệu theo bảng sau:

STT	Nội dung	Ký hiệu
1	Ký hiệu hướng tuyến	
2	Ký hiệu điểm chuyển hướng	
3	Ký hiệu điểm giao nhau	
4	Ký hiệu quay đầu	
5	Ký hiệu rẽ nhánh	

Trụ, cọc, mốc định vị được đặt trên mặt hè, lòng đường dọc theo các đường dây, cáp và đường ống chôn ngầm.

c) Trường hợp chôn ngầm tại khu vực đang trong quá trình xây dựng hoặc chưa ổn định về kiến trúc xây dựng đô thị thì phải sử dụng băng báo hiệu phía trên cáp chôn ít nhất 10cm hoặc sử dụng cột mốc để báo hiệu.

5. Trên cửa tủ cáp, nắp hộp cáp, nắp bộ chia tín hiệu truyền hình và cột treo cáp phải ghi thông tin quản lý như sau:

a) Tên đầy đủ hoặc ký hiệu tên của đơn vị quản lý tủ cáp, nắp hộp cáp, nắp bộ chia tín hiệu truyền hình và cột treo cáp.

b) Số của tủ cáp, nắp hộp cáp, nắp bộ chia tín hiệu truyền hình, cột treo cáp.

c) Các thông tin khác (nếu có).”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số Khoản của Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 như sau:

“5. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xác định, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt danh mục các công trình hạ tầng kỹ thuật có khả năng cho các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung để lắp đặt trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS), mạng cấp ngoại vi viễn thông”

Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phương án bố trí mặt bằng tạm thời để di chuyển hạ tầng kỹ thuật viễn thông khi thực hiện phá dỡ, xây mới, cải tạo, mở rộng các công trình, dự án”.

b) Bổ sung Khoản 5a vào sau Khoản 5 như sau:

“5a. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành danh mục các khu vực, tuyến đường, phố cho phép lắp đặt cáp viễn thông đi treo; danh mục các khu vực, tuyến đường, phố yêu cầu cáp viễn thông đi ngầm; danh mục các khu vực, tuyến đường, phố cho phép lắp đặt cột ăng ten trạm BTS.”.

c) Bổ sung Khoản 5b vào sau Khoản 5 như sau:

“5b. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ban quản lý dự án, chủ đầu tư cùng các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phương án bố trí mặt bằng tạm thời để di chuyển hạ tầng kỹ thuật viễn thông khi thực hiện phá dỡ, xây mới, cải tạo, mở rộng các công trình, dự án.”.

d) Sửa đổi, bổ sung Khoản 8 như sau:

“8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết các thông tin phản ánh của người dân liên quan đến việc xây dựng và sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước chuyên ngành thông tin và truyền thông và theo thẩm quyền”.

đ) Bổ sung Khoản 9 như sau:

“9. Thu thập, điều tra khảo sát, rà soát, bổ sung, cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu công trình lắp đặt cáp ngoại vi viễn thông ngầm trên địa bàn thành phố, kinh phí cho công tác này được bố trí từ ngân sách nhà nước của thành phố.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 23 như sau:

“1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thẩm định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước trên cơ sở phương án gia thuê do chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao quản lý công trình lập.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 của Điều 28 như sau:

“4. Báo cáo kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin về cơ sở hạ tầng viễn

thông theo quy định của pháp luật; định kỳ ngày 10/1 và ngày 10/7 hằng năm, báo cáo hiện trạng và kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của đơn vị; hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông hoặc các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền. Chấp hành nghiêm chỉnh việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.”.

14. Bổ sung Điều 28a và Điều 28b sau Điều 28 như sau:

“Điều 28a. Trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng.

1. Xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Thông tin và Truyền thông) kế hoạch thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang, trang bị dây treo cáp, khuyến dỡ bó cáp đối với những tuyến cột thuộc sở hữu, quản lý của đơn vị tại các tuyến đường trên địa bàn thành phố theo quy định tại điểm b mục 2.1.1 và điểm f mục 2.8.1 QCVN 33:2019/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Hướng dẫn các doanh nghiệp có cáp viễn thông treo trên cột điện lập phương án tổ chức thi công và biện pháp an toàn lưới điện tại các tuyến cột điện lực (do Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng quản lý) và tổ chức phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 28b. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dùng chung

1. Chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, đầu tư, khai thác, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và Quy định này.

2. Thực hiện đăng ký giá, tham gia hiệp thương giá theo quy định hiện hành.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị dùng chung xây dựng quy chế, quy trình khai thác, bảo dưỡng và nâng cấp đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dùng chung đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn cho người, thiết bị.

4. Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các Sở, ban ngành liên quan và các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp truyền hình cáp trong quá trình chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi.”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2020.

2. Quyết định này bãi bỏ: khoản 2, khoản 3 Điều 4; khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 8; khoản 2 Điều 9; khoản 2, khoản 4 Điều 10; khoản 4 Điều 12; Điều 16; Điều 17; khoản 5, khoản 8 Điều 18; khoản 1 Điều 23; khoản 4 Điều 28 của Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải

Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1063/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Như điều 2;
- VPCP;
- Các Bộ: TT&TT, TP;
- TTTU, TT HỖND TP;
- Các Ban HỖND, Đoàn ĐBQH TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- VPTU, VP HỖND, VP UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Đài PT&TH HP, Báo HP, Cổng TTĐT TP, Công báo TP;
- Phòng KSTTHC;
- CV: KSTTHC2;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

